TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09A/2019/DS- ST
Ngày 06-11-2019
"V/v kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị T Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Mùi và ông Nguyễn Văn Bạn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2019/TLST - DS ngày 05-12-2018 về việc kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Đức Đ (tên gọi khác: Hoàng Văn B), sinh năm 1957 (*có mặt*) và bà Đỗ Thị A, sinh năm 1959 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường TD, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Ông Hoàng Đức Đ (tên gọi khác Hoàng Văn B).

- Bị đơn: Anh Vũ Đình T, sinh năm 1970 (*vắng mặt*) và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường ĐL, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn là ông Hoàng Đức Đ trình bày :

Vợ chồng ông và vợ chồng anh T, chị T nhận là anh em kết nghĩa với nhau. Do nhu cầu cần vốn để kinh doanh cám chăn nuôi nên anh T, chị T có hỏi vay tiền, ông đồng ý. Ngày 15-8-2013 hai bên có giao nhận tiền và làm giấy biên nhận vay tiền với nội dung: Vợ chồng ông có vay cháu K 100.000.000đ, cô Th 50.000.000đ, anh Tr 210.000.000đ và vợ chồng ông có 17.000.000đ, tổng cộng 377.000.000đ cho vợ chồng anh T, chị T vay. Thời gian cho vay là 1 năm kể từ ngày 15-8-2013, lãi suất theo quỹ tín dụng xã Tân Dân tại thời điểm đó. Giấy vay này chỉ có 01 bản gốc do ông giữ. Trong giấy vay có ghi vay hộ, thực tế ông vay của những người trên rồi cho anh T, chị T vay, ông là người trực tiếp

giao tiền cho anh T, chị T. Trong quá trình vay anh T, chị T mới trả được 16.500.000đ tiền lãi, còn lại từ đó đến nay vợ chồng anh T, T không trả bất kỳ khoản tiền nào kể cả gốc và lãi. Khi đến hạn mặc dù anh T, chị T chưa trả ông nhưng ông đã phải trả anh K bà Th, anh Tr. Nay đã 5 năm ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh T, chị T phải trả vợ chồng ông hết số nợ gốc là 377 triệu đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Tại biên bản ghi lời khai bà Đỗ Thị A trình bày:

Giữa vợ chồng bà và vợ chồng anh T, chị T có quan hệ thân thiết do nhận anh em kết nghĩa. Việc cho anh T, chị T vay tiền bà cũng nhất trí và thực tế ông bà cũng cho vay nhiều lần. Toàn bộ việc giao tiền, viết giấy biên nhận vay tiền là do ông Đ trực tiếp giao dịch với anh T, chị T bà chỉ nghe ông Đ kể lại. Trong số tiền 377 triệu đồng cho anh chị T, T vay ông bà chỉ có 17.000.000đ, còn lại vợ chồng ông bà phải vay tiền của con trai K, bà Th, anh Tr. Sau khi đến hạn anh T, chị T không trả, vợ chồng ông bà phải lấy tiền của mình trả cho cháu K, bà Th, anh Tr. Sau đó ông Đ tiếp tục đến nhà anh T, chị T đòi tiền nhiều lần nhưng anh chị ấy cứ khất lần không trả còn cãi vã nhau to tiếng. Nay vì số tiền cho vay là tài sản chung của ông bà nên bà nhất trí quan điểm khởi kiện của ông Đ, đề nghị tòa án giải quyết. Do sức khỏe không thể tham gia tố tụng được bà ủy quyền cho ông Đ có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án .

Tại bản tự khai anh Vũ Đình T trình bày:

Khoảng năm 2008 vợ chồng anh có vay tiền của ông Đ, bà A để kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc. Thời gian vay khoảng từ năm 2008 đến tháng 7-2013, lãi suất từ 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 2.500 đồng/1 triệu/ ngày, vay nhiều lần, cũng trả nhiều lần. Mỗi lần vay hai bên đều viết giấy biên nhận vay tiền do vợ chồng anh tự viết, ký nhận rồi giao cho ông Đ, có lần vay tiếp thì cứ ghi tiếp vào giấy vay mà không lập giấy vay mới. Tính đến tháng 7-2013 thì vợ chồng anh có vay của ông Đ, bà A tổng số tiền là 217.500.000đ tiền gốc và vợ chồng anh có viết giấy biên nhận vay nợ ngày 20-7-2013.Việc vay nợ do vợ chồng anh vay trực tiếp của ông Đ, bà A, nguồn tiền ông Đ, bà A lấy ở đâu cho vay thì anh không biết. Việc ông Đ, bà A khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả 377.000.000đ anh không đồng ý. Anh xác định vợ chồng có nợ vợ chồng ông Đ, bà A số tiền nợ gốc là 217.500.000đ theo giấy viết ngày 20-7-2013. Đề nghị ông Đ, bà A tạo điều kiện cho vợ chồng anh trả dần.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Vợ chồng chị kinh doanh cám chăn nuôi do cần vốn kinh doanh nên cũng nhiều lần vay tiền của ông Đ, bà A. Mỗi lần vay tiền hai bên đều viết giấy biên nhận với nhau và đều phải trả lãi suất. Về khoản vay ngày 15-8-2013 với số tiền 377 triệu đồng theo giấy biên nhận do ông Đ giao nộp cho tòa án thì chị không nhất trí. Vì số tiền này ông Đ đã cộng cả lãi suất vào tiền gốc. Thực tế vợ chồng chị chỉ vay số tiền 217.500.000đ chốt đến ngày 20-7-2013. Ngày 15-8-2013 hai bên có chốt nợ với nhau, nhưng số tiền là không đúng tiền gốc đã vay. Trong

tổng số tiền này có 30.000.000đ của chị Th là chị vợ anh Đ cho chị vay với lãi suất tính theo ngân hàng. Năm 2015 ông Đ đã kiện chị ra tòa với số tiền được tách ra của chị Th là 30.000.000đ. Vụ án đã được tòa án Chí Linh giải quyết. Khi thực hiện bản án chị đã trả cho chị Th thông qua anh Đ số tiền là 19.000.000đ số tiền còn lại là của vợ chồng anh Đ vợ chồng chị phải vay lãi suất là 2.500đ/triệu/ngày. Việc trả lãi chị có ghi sổ sách, không có chữ ký ông Đ ký nhận nhưng đến nay không còn lưu giữ đủ để giao nộp cho tòa án. Nay vợ chồng ông Đ khởi kiện vợ chồng chị trả số tiền 377 triệu đồng chị không đồng ý, chị cho rằng chữ ký trong giấy biên nhận vay tiền ngày 15-8-2013 không phải là chữ ký của chị và anh T, đề nghị tòa án gửi tài liệu đi giám định.

Lời khai của những người làm chứng:

+ Bà Đỗ Thị Th: Bà là chị gái của bà Đỗ Thị A, ông Hoàng Đức Đ là em rể. Giữa năm 2012 bà có cho vợ chồng ông Đ, bà An vay số tiền 50.000.000đ, đây là tiền tích kiệm riêng của bà không liên quan đến chồng bà. Ngày 06-3-2012 khi giao tiền xong giữa bà và ông Đ có viết giấy biên nhận vay tiền, bà và ông Đ ký giấy và ông Đ giữ giấy này. Nội dung giấy vay tiền có số tiền vay, cách tính lãi. Khi cho vay bà không hỏi ông Đ mục đích vay tiền để làm gì. Ngày 28-12-2013 vợ chồng ông Đ bà A đã trả đủ bà số tiền trên bà đã viết tiếp vào giấy biên nhận cũ là nhận đủ số tiền cho vay. Giấy này bà đã nộp cho tòa án bản gốc. Giữa bà và vợ chồng ông Đ bà A không có khoản nợ nào khác. Bà có biết việc vợ chồng ông Đ bà A cho vợ chồng nhà anh T chị T ở Đồng Lạc vay tiền nhưng cụ thể vay bao nhiêu, như thế nào thì bà không biết. Tòa án cho bà xem giấy biên nhận vay tiền bản gốc do ông Đ nộp để khởi kiện bà xác định không liên quan gì đến việc vay tiền của hai bên. Bà đề nghị Tòa án không triệu tập bà, không đưa bà vào tham gia tố tụng.

+ Anh Hoàng Văn K: Anh là con trai ông Hoàng Đức Đ bà Đỗ Thị A. Anh không biết việc vay tiền giữa bố mẹ anh và vợ chồng anh T bà T. Trước năm 2013 (anh không nhớ chính xác ngày) anh có cho bố mẹ vay 100.000.000đ là tiền riêng của anh không liên quan đến vợ anh. Anh cũng được biết bố mẹ anh sau khi vay tiền có cho người khác vay lại, cụ thể như thế nào thì anh không biết được. Hơn 1 năm sau thì bố mẹ anh đã trả 100.000.000đ đã vay. Đến nay giữa anh và bố mẹ không còn khoản nợ nào nữa. Đề nghị Tòa án không đưa anh tham gia tố tụng, không triệu tập anh.

+ Anh Nguyễn Khoa Tr: Anh là cháu gọi ông Hoàng Đức Đ bằng cậu. Năm 2012 anh có cho vợ chồng ông Đ, bà A vay số tiền 210.000.000đ. Vì là cậu cháu nên không viết giấy biên nhận với nhau và cũng không tính lãi suất. Lúc cho vay ông Đ, bà A bảo để giải quyết việc gia đình còn cụ thể anh cũng không hỏi. Đây là tiền riêng của anh không liên quan gì đến vợ anh. Ngày 28-12-2013 vợ chồng ông Đ, bà A đã trả hết số tiền trên. Đến nay giữa chúng tôi không còn khoản nợ nào nữa.

Kết luận giám định số 02/KLGĐ- ngày 08/5/2019 của phòng kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương:

Chữ ký đứng tên Vũ Đình T trên Giấy biên nhận vay tiền (ký hiệu A) với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1-M4, M6) là do cùng một người ký ra.

Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị T trên giấy biên nhận vay tiền (ký hiệu A) với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3, M5, M7) là do cùng một người ký ra.

Tại phiên tòa:

Ông Hoàng Đức Đ (tên gọi khác Hoàng Văn B) trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX buộc vợ chồng anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T phải trả toàn bộ số tiền gốc là 377.000.000đ còn nợ, không yêu cầu lãi suất. Về nội dung số tiền lãi đã trả ông xin khai lại như sau: Trong quá trình vay số tiền 377.000.000đ anh T, chị T chưa trả vợ chồng ông khoản tiền lãi nào, trước đây ông khai đã trả 16.500.000đ là do ông nhầm khoản vay khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 ; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 277, Điều 228, Điều 147, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức Đ (tên gọi khác Hoàng Văn B) và bà Đỗ Thị A. Buộc anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ ông Hoàng Đức Đ và bà Đỗ Thị A số tiền là 377.000.000 đ tiền nợ gốc. Về án phí: Anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T phải nộp 18.850.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Về chi phí giám định : Anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T phải nộp 7.820.000đ chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Ông Hoàng Đức Đ (tên gọi khác Hoàng Văn B) và bà Đỗ Thị A yêu cầu anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T phải trả số tiền 377.000.000đ theo hợp đồng vay tài sản từ năm 2013. Năm 2018 ông Đ, bà A khởi kiện, do vậy xác định thời hiệu khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản đã hết, tòa án thụ lý vụ án kiện đòi tài sản theo quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005. Bị đơn hiện cư trú tại khu dân cư TS, phường ĐL, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý vụ án để giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Giấy biên nhận vay tiền ngày 15-8-2013 có nội dung ông Hoàng Đức Đ (tên gọi khác Hoàng Văn B) và bà Đỗ Thị A có cho anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T vay tổng số tiền gốc là 377.000.000đ, lãi suất theo quỹ tín dụng, thời hạn là 01 năm tính từ ngày viết giấy biên nhận. Mặc dù trong giấy biên nhận có ghi việc vợ chồng anh T chị T nhờ ông Đ vay hộ anh K, bà Th, anh Tr nhưng thực tế anh T, chị T nhận tiền trực tiếp từ ông Đ. Xác minh với anh K, bà Th, anh Tr cũng khẳng định cho ông Đ vay chứ không liên quan đến vợ chồng anh T, chị T. Anh T, chị T cũng xác định nhận tiền vay từ ông Đ chứ không phải vay tiền từ anh K, bà Th, anh Tr. Giấy biên nhận vay tiền này anh T, chị T đều xác nhận do anh T viết, chỉ có chữ ký của hai anh chị không thì không đúng. Nhưng theo kết luận giám định của Phòng kỹ Thuật hình sự công an tỉnh Hải Dương xác nhận chữ ký trong giấy biên nhận này đúng là chữ ký của anh T, chị T theo mẫu gửi đi giám định. Anh T xác nhận có việc chốt nợ bằng giấy vay tiền này trước khi anh đi làm việc tại Malaisia nhưng do anh bị ép ký. Ngoài lời trình bày anh T không có tài liệu nào để chứng minh cho việc bị ép ký.

Ngoài ra chị T còn xuất trình cho tòa án tài liệu là một tờ giấy học sinh kẻ ngang có thể hiện việc vay tiền với số tiền 67.500.000đ với chú thích "đã trả cả gốc lãi, người vay, Tế Sơn ngày 20-7-2013, chữ ký Vũ Đình T"; tiếp theo phía dưới có dòng chữ "tiếp nợ anh Đ là 217.500.000đ" có chữ ký của anh T, chị T, không có ngày tháng. Anh T, chị T đều xác định chỉ còn nợ số tiền theo giấy chốt này. Nhưng thực tế việc chốt nợ này không có ngày tháng, theo thể thức văn bản "ngày 20-7-2013" là của khoản vay trên đã được trả cả gốc và lãi. Ông Đ trình bày không biết gì về giấy vay này và ông cũng không cho anh T, chị T vay khoản tiền này. Vì nếu cho vay ông sẽ phải giữ bản gốc giấy vay, trừ khi anh chị thanh toán xong khoản vay. Còn một số tài liệu thể hiện có việc tính lãi, ngày trả lãi nhưng đều do anh T, chị T tự viết, tự theo dõi không có chữ ký của ông Đ, bà An nên không có giá trị chứng minh.

Chị T và anh T trình bày trong khoản vay 217.500.000đ có cả số tiền 30.000.000đ vay của bà Th. Năm 2015 ông Đ đã tách ra để khởi kiện đến tòa án nhân dân thị xã Chí Linh bằng một vụ án khác. Qua sao hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 25/2014/TLST - DS ngày 09-10-2014 của tòa án nhân dân thị xã Chí Linh được lưu trữ thấy rằng: Vụ án dân sự trên được tòa án nhân dân thị xã Chí Linh thụ lý và giải quyết trên cơ sở hợp đồng vay tài sản ngày 24-02-2014 giữa chị Nguyễn Thị T và ông Hoàng Đức Đ. Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh đã ra Quyết định công nhận sự thỏa Thuận số 10/2014/QDDS – ST ngày 31-10-2014, xét đây là vụ án độc lập không liên quan đến khoản vay chung của anh T, chị T ngày 15-8-2013 nên không có cơ sở để xem xét.

Từ phân tích trên có đủ căn cứ xác định ngày 15-8-2013 anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T có vay của ông Hoàng Đức Đ (tên gọi khác Hoàng Văn B)

và bà Đỗ Thị A số tiền 377.000.000đ đến nay chưa trả. Anh T, chị T đã vi phạm việc trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà A có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 471, Điều 474, Điều 746, Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Về lãi suất: Ông Hoàng Đức Đ (tên gọi khác Hoàng Văn B) và bà Đỗ Thị A tự nguyện không yêu cầu về lãi suất nên HĐXX không xem xét.

[3] Về chi phí giám định: Kết quả giám định đã chứng minh yêu cầu của ông Hoàng Đức Đ (tên gọi khác Hoàng Văn B) là có căn cứ. Do vậy, anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền này ông Đ đã nộp để chi phí giám định nên cần buộc anh T, chị T phải hoàn trả ông Đ số tiền trên theo quy định tại khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4].Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức Đ (tên gọi khác Hoàng Văn B) và bà Đỗ Thị A được chấp nhận nên anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 471,474,476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 ; Điều 26,Điều 35, Điều 39, Điều 277, Điều 228, Điều 147, Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức Đ (tên gọi khác: Hoàng Văn B) và bà Đỗ Thị A. Buộc anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả ông Hoàng Đức Đ và bà Đỗ Thị An số tiền nợ gốc là 377.000.000đ (*ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng*).

Về lãi suất: Không xem xét giải quyết.

Về chi phí giám định: Buộc anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T phải nộp 7.820.000đ chi phí giám định. Anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T phải hoàn trả ông Hoàng Đức Đ (tên gọi khác: Hoàng Văn B) số tiền 7.820.000đ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Hoàng Đức Đ và bà Đỗ Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T không thi hành số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T phải nộp 18.850.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Đỗ Thị A số tiền 4.712.500đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0001107 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Về quyền kháng cáo: Ông Hoàng Đức Đ (tên gọi khác: Hoàng Văn B) có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đỗ Thị A, anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THA dân sự TP. Chí Linh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Hằng